

Số: /KH-SKHCN

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Khảo sát khu vực lõm sóng băng rộng di động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Thông báo số 470/TB-BKHCN ngày 30/12/2025 Kết luận của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Nguyễn Mạnh Hùng tại Hội nghị Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; văn bản số 5657/CVT-PTHT ngày 19/12/2025 của Cục Viễn thông về việc triển khai Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 15/11/2025 liên quan đến công tác phủ sóng vùng lõm;

Để có số liệu chính xác về toàn bộ các điểm lõm sóng, nhằm thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu mở rộng phủ sóng băng rộng di động (4G, 5G) đến các vùng sâu, vùng xa trên địa bàn tỉnh; lập báo cáo các cấp có thẩm quyền chỉ đạo, đầu tư phủ sóng cho các điểm, các cụm dân cư lõm sóng băng rộng di động trên địa bàn tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch Khảo sát khu vực lõm sóng băng rộng di động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Rà soát, xác định các khu vực có tín hiệu mạng di động yếu hoặc không có sóng (vùng lõm) trên địa bàn tỉnh để đảm bảo số liệu chính xác, khớp nối đồng bộ về dữ liệu của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Làm cơ sở để đề xuất giải pháp nâng cấp hạ tầng mạng viễn thông, nâng cấp, tăng cường chất lượng dịch vụ internet băng rộng di động, xây dựng lộ trình phủ sóng, đảm bảo 100% thôn, bản trên địa bàn được tiếp cận dịch vụ viễn thông phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và khu vực doanh nghiệp viễn thông không có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường.
- Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp viễn thông trong quá trình xóa lõm sóng và phát triển mạng 5G, phục vụ nhu cầu chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền địa phương.

2. Yêu cầu

- Sử dụng tiêu chí và phương pháp đo kiểm thống nhất theo hướng dẫn kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ).
- Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân (UBND) các xã, phường, doanh nghiệp viễn thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

II. PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi

- Khu vực khảo sát: 95 xã/phường trên địa bàn tỉnh, bao gồm tất cả tổ, thôn, khu phố, khu dân cư sinh sống, khu vực phát triển kinh tế và các khu vực trọng yếu phục vụ an ninh quốc phòng.
- Các nhà mạng khảo sát: Viettel, Vinaphone, Mobifone, VietnamMobile, GtelMobile.

2. Thời gian

- Thực hiện khảo sát xác định khu vực lõm sóng băng rộng di động trong Quý I/2026.
- Lịch trình khảo sát dự kiến như phụ lục 1 đính kèm, tuy nhiên có thể thay đổi để phù hợp với lịch công tác khác và tình hình giao thông, địa hình do phải di chuyển liên tục qua nhiều địa điểm.

III. THÀNH PHẦN ĐOÀN KHẢO SÁT

1. Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ;
2. Phòng Chuyển đổi số (*Bộ phận Bưu chính – Viễn thông*);
3. Phòng Văn hoá – Xã hội các xã, phường;
4. Lãnh đạo và cán bộ phụ trách các Doanh nghiệp viễn thông (*Viettel, Vinaphone, Mobifone, VietnamMobile, GtelMobile*).

IV. TIÊU CHÍ, PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH LỖM SÓNG

1. Tiêu chí xác định lõm sóng

Khu vực lõm sóng băng rộng di động là khu vực chưa có sóng băng rộng di động hoặc đã có nhưng sóng yếu, chập chờn và không thể truy cập, sử dụng được dịch vụ Internet băng rộng di động của một mạng thông tin di động nào hiện có của Việt Nam (Viettel, Vinaphone, Mobifone, VietnamMobile, GtelMobile) tại vị trí trung tâm của khu vực đó (ví dụ như đối với tổ, khu phố... thì vị trí trung tâm là Nhà văn hóa của tổ, khu phố...).

2. Phương pháp xác định lõm sóng

- Sử dụng ứng dụng đo tốc độ truy cập internet tại Việt Nam do Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) xây dựng i-Speed cài vào thiết bị thông minh để đo tốc độ truy cập Internet hoặc sử dụng máy đo chuyên dụng đo chất lượng tín hiệu thu tại vị trí trung tâm các khu vực cần đo.
- So sánh kết quả đo với mức tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do nhà mạng công bố hoặc căn cứ các quy chuẩn kỹ thuật có liên quan để xác định:
 - + Trường hợp các thông số về chất lượng tín hiệu đo được bằng ứng dụng i-SPEED dưới mức công bố của nhà mạng hoặc không thể truy cập được vào ứng dụng để kiểm tra chất lượng dịch vụ thì khu vực đó là khu vực lõm sóng.

+ Trường hợp chất lượng tín hiệu đo bằng máy đo chuyên dụng không đáp ứng quy định tại Quy chuẩn QCVN 36:2022/BTTTT về Chất lượng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất và Quy chuẩn QCVN 81:2019/BTTTT về Chất lượng dịch vụ truy nhập internet trên mạng viễn thông thì khu vực đó là khu vực lồi sóng.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện lấy từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ đã giao năm 2026 theo Quyết định số 329/QĐ-SKHCN ngày 31/12/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 với tổng dự toán: **210.300.000đ**, bằng chữ: hai trăm mười triệu ba trăm nghìn đồng (*phụ lục đính kèm*).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Chuyển đổi số

- Chủ trì triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch, đảm bảo tiến độ thời gian; báo cáo, đề xuất kịp thời lãnh đạo Sở để chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thực hiện kế hoạch.

- Phối hợp chặt chẽ và thông báo kế hoạch, lịch trình cụ thể đến UBND các xã, phường, doanh nghiệp viễn thông để thực hiện khảo sát xác định khu vực lồi sóng.

- Phối hợp phòng Kế hoạch - Tài chính thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

2. Phòng Kế hoạch – Tài chính

- Đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với Phòng Chuyển đổi số tổ chức thẩm định kinh phí và thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

Trên đây là kế hoạch Khảo sát khu vực lồi sóng băng rộng di động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Sở;
- Phòng KHTC;
- Lưu: VT, CĐS.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Quang

Phụ lục 1
Lịch trình dự kiến rà soát lõm sổng

TT	Xã, phường	Thời gian (ngày)	Ghi chú
1	Xã Tân Lợi	1	
2	Xã Đồng Tâm		
3	Xã Nghĩa Trung	1	
4	Xã Phước Sơn		
5	Xã Bù Đăng	1	
6	Xã Thọ Sơn		
7	Xã Bom Bo	1	
8	Xã Đak Nhau		
9	Xã Bù Gia Mập	1	
10	Xã Đăk Ô		
11	Xã Đa Kia	1	
12	Xã Phú Nghĩa		
13	Xã Hưng Phước	1	
14	Xã Thiện Hưng		
15	Xã Tân Tiến	1	
16	Xã Lộc Thạnh		
17	Xã Lộc Tấn	1	
18	Xã Lộc Ninh		
19	Xã Lộc Quang	1	
20	Xã Lộc Hưng		
21	Xã Bình Tân	1	
22	Phường Phước Bình		
23	Phường Phước Long	1	
24	Xã Phú Trung		
25	Xã Phú Riềng	1	
26	Xã Long Hà		
27	Xã Tân Hưng	1	
28	Xã Tân Quan		
29	Phường An Lộc	1	
30	Xã Lộc Thành		
31	Xã Minh Đức	1	
32	Phường Bình Long		
33	Xã Tân Khai	1	
34	Phường Minh Hưng		
35	Phường Chơn Thành		
36	Xã Nha Bích	1	
37	Phường Đồng Xoài		
38	Xã Thuận Lợi		
39	Phường Bình Phước	1	

TT	Xã, phường	Thời gian (ngày)	Ghi chú
40	Xã Đồng Phú	1	
41	Xã Phú Lý		
42	Xã Trị An		
43	Xã Bàu Hàm	1	
44	Xã Gia Kiệm		
45	Xã Thống Nhất		
46	Xã La Ngà	1	
47	Xã Thanh Sơn		
48	Xã Tà Lài	1	
49	Xã Đak Lua		
50	Xã Nam Cát Tiên	1	
51	Xã Phú Lâm		
52	Xã Tân Phú	1	
53	Xã Phú Vinh		
54	Xã Phú Hòa	1	
55	Xã Định Quán		
56	Xã Xuân Thành	1	
57	Xã Xuân Bắc		
58	Xã Xuân Lộc	1	
59	Xã Xuân Hòa		
60	Xã Xuân Đông	1	
61	Xã Sông Ray		
62	Xã Cẩm Mỹ		
63	Xã Xuân Phú	1	
64	Phường Hàng Gòn		
65	Xã Xuân Định		
66	Phường Bảo Vinh	1	
67	Phường Bình Lộc		
68	Phường Xuân Lập		
69	Phường Long Khánh		
70	Xã Dầu Giây	1	
71	Xã Xuân Đường		
72	Xã Xuân Quế		
73	Xã An Viễn	1	
74	Xã Hưng Thịnh		
75	Xã Bình An		
76	Xã Long Thành	1	
77	Xã Long Phước		
78	Xã Phước Thái		
79	Xã Phước An	1	
80	Xã Đại Phước		
81	Xã Nhơn Trạch	1	

TT	Xã, phường	Thời gian (ngày)	Ghi chú
82	Xã An Phước	1	
83	Phường Tam Phước		
84	Phường Long Hưng		
85	Phường Phước Tân		
86	Xã Tân An	1	
87	Xã Bình Minh		
88	Xã Trảng Bom		
89	Phường Long Bình	1	
90	Phường Hồ Nai		
91	Phường Tam Hiệp		
92	Phường Biên Hòa	1	
93	Phường Trảng Dài		
94	Phường Trần Biên		
95	Phường Tân Triều	40	
	Tổng		

Phụ lục 2
Dự toán kinh phí khảo sát vùng lõm sóng băng thông di động

ĐVT: đồng

TT	Nội dung công việc	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Phương tiện chở cán bộ (Xe 4 chỗ, 2 cầu do vùng lõm sóng có địa bàn tương đối phức tạp)	Ngày	40	3,100,000	124,000,000	<i>Thẩm định giá của Sở, thanh toán theo thực tế</i>
2	Phòng nghỉ (1.100.000đ/1 phòng 2 người x 2 = 2.200.000đ)	Đêm	20	2,200,000	44,000,000	<i>Điểm a khoản 4 Điều 12 Quyết định số 253/QĐ-SKHCN ngày 27/11/2025, thanh toán theo thực tế</i>
3	Phụ cấp lưu trú (250.000đ/người x 3 người = 750.000đ)	Ngày	40	750,000	30,000,000	<i>Khoản 3 Điều 12 Quyết định số 253/QĐ-SKHCN ngày 27/11/2025, thanh toán theo thực tế</i>
4	Thuê thiết bị đo	Ngày	40	300,000	12,000,000	<i>Theo giá của nhà mạng, thanh toán theo thực tế</i>
5	SIM 4G 3 nhà mạng lớn	Sim	3	100,000	300,000	<i>Theo giá của nhà mạng, thanh toán theo thực tế</i>
Tổng cộng					210,300,000	